

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách
hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh
Gia Lai giai đoạn 2026–2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 857/TTr-SNNMT ngày 18/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế biển và phát triển thủy sản bền vững là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế cho người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được ban hành nghị quyết đề quyết định các chính sách, biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý. Luật Ngân sách nhà nước quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các chính sách đặc thù của địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Bên cạnh đó, Luật Thủy sản năm 2017, Luật Công nghệ cao, Luật Hợp tác xã, Luật Bảo vệ môi trường và các cơ chế, chính sách của Chính phủ về khuyến nông, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát

triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định phát triển kinh tế biển, thủy sản và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 là phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Toàn tỉnh Gia Lai có diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 5.302 ha, bao gồm 2.032 ha nuôi thủy sản nước lợ, 3.270 ha nuôi cá quảng canh hồ chứa và ao, cùng 1.235 lồng /126.570 m³, bè nuôi cá nước ngọt; nuôi trồng thủy sản nước mặn khoảng 2.427 lồng/ 70.155 m³. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 18.741 tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: cá đạt 8.762 tấn, tôm đạt 8.354,8 tấn, thủy sản khác đạt 1.624,2 tấn.

Gia Lai có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản với diện tích mặt nước phong phú, vùng biển rộng, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nuôi biển, nuôi thủy sản nước lợ và nuôi thủy sản nước ngọt. Những năm qua, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, quy mô sản xuất hiện nay vẫn chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán; mức độ ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế; hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ; năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng chưa cao. Đối với nuôi biển, phần lớn còn sử dụng lồng bè truyền thống, quy mô nhỏ, tập trung ven bờ, khả năng chống chịu với sóng gió, thiên tai còn hạn chế. Đối với nuôi thủy sản nước lợ và nước ngọt, tỷ lệ áp dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ tuần hoàn, hệ thống nuôi tiết kiệm nước, tự động hóa, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc còn thấp; liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững, sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, yêu cầu phát triển xanh, giảm phát thải, chuyển đổi số và nâng cao giá trị gia tăng đối với ngành nông nghiệp nói chung, ngành thủy sản nói riêng đặt ra yêu cầu cần có những cơ chế, chính sách mang tính khuyến khích, tạo động lực để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư

phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Theo Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, mục tiêu đến năm 2030 ngành thủy sản của tỉnh phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Để thực hiện các mục tiêu trên, cần thiết phải ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo động lực thúc đẩy tổ chức, cá nhân đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển ngành thủy sản của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế biển, phát triển thủy sản bền vững và thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thông qua việc ban hành chính sách, tạo cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; thúc đẩy chuyển đổi phương thức sản xuất từ quy mô nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tuần hoàn, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất thủy sản.

Đồng thời, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản; phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và thúc đẩy phát triển ngành thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050.

Chính sách được xây dựng trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa

phương; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương; không trùng lặp với các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và các chính sách khác đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; ưu tiên phát triển nuôi biển ứng dụng công nghệ cao, đồng thời khuyến khích phát triển nuôi thủy sản nước lợ và nuôi thủy sản nước ngọt ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước mang tính chất khuyến khích, tạo động lực và dẫn dắt đầu tư, nhằm huy động tối đa các nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình và cá nhân tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; gắn phát triển sản xuất với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành thủy sản trong giai đoạn mới; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kết luận số 245-KL/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2986/UBND-NNMT ngày 16/3/2026 về chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030, trong đó đồng ý chủ trương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng

thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Trung ương, kinh nghiệm thực tiễn của một số địa phương; rà soát các cơ chế, chính sách đang được thực hiện để bảo đảm tính đồng bộ, tránh chồng chéo và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Ngày 24/3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-SNNMT về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Ngày 02/4-06/4/2026, Tổ soạn thảo đã tiến hành họp, thảo luận để thống nhất nội dung và xây dựng dự thảo Nghị quyết ban đầu.

Ngày 10/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 3639/SNNMT-TS gửi các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Ngày 20/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 5300/SNNMT-TS gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị đăng tải dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định; các ý kiến góp ý đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

Ngày 25/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 5548/SNNMT-TS gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai đề nghị tổ chức phản biện xã hội đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ngày 08/6/2026, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai đã có Thông báo số 30/TB-MTTQ-BTT về kết quả phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các ý kiến phản biện đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ngày 15/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 6480/SNNMT-TS gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn

tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Ngày 18/6/2026, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo thẩm định số 581/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng với bố cục gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

3. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

4. Ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Điều kiện, phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản

b) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải áp dụng ít nhất một trong các công nghệ cao sau đây: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS) là hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn khép kín, hoạt động dựa trên nguyên lý lọc và tái sử dụng liên tục từ 90% lượng nước nuôi; công nghệ Biofloc (BFT) - sử dụng các quần thể vi sinh vật có lợi được duy trì trong môi trường nuôi để xử lý chất hữu cơ, chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại, kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh; công nghệ Internet vạn vật (IoT) là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn

tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; công nghệ nuôi biển công nghiệp sử dụng lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

c) Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp liên quan nội dung hỗ trợ; có vốn đối ứng và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm.

2. Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ một lần sau khi cơ sở nuôi hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt (trong dự án hoặc phương án sản xuất); vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu thực tế, xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Hỗ trợ lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương. Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng.

b) Hỗ trợ công nghệ Internet vạn vật (IoT); ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi biển.

2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ

a) Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải

- Bao gồm: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ Biofloc (BFT).

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

b) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi trồng thủy sản nước lợ

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, độ mặn); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt

a) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi trồng thủy sản lồng bè trên hồ chứa.

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản (cá Tầm, cá Chình, tôm Càng xanh, cá Lăng nha, cá Chép giòn)

- Bao gồm: Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh;... tích hợp công nghệ IoT, AI.

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 60 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.

3. Vốn đối ứng của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn lực thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 được bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc bố trí kinh phí thực hiện được thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong từng năm, bảo đảm phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách giai đoạn 2026 - 2030 là 120 tỷ đồng, cụ thể:

STT	Năm	Kinh phí (tỷ)
1	2026	7,5
2	2027	22,5
3	2028	30
4	2029	30
5	2030	30
	TỔNG	120

Ngoài nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, chính sách còn có vai trò khuyến khích, tạo động lực huy động nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội và phát huy tính chủ động của các thành phần kinh tế.

2. Điều kiện bảo đảm thi hành

Hiện nay, tỉnh Gia Lai có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản; hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn; các chương trình, đề án phát triển thủy sản, chương trình phát triển khoa học và công nghệ, chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp đang được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện chính sách.

Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan có đủ điều kiện để phối hợp tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, nhu cầu đầu tư, ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh là rất lớn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thực hiện chính sách, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết và kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

3. Thời gian áp dụng Nghị quyết: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2030.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030. UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường,
Tài chính, Tư pháp;
- Lưu: VT. N3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;
Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;
Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030; Báo cáo thẩm tra số .../BCTT-KTNS ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;
Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Hỗ trợ công khai, minh bạch, đúng đối tượng.
- Không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.
- Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.
- Ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Điều kiện, phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản

b) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải áp dụng ít nhất một trong các công nghệ cao sau đây: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS) là hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn khép kín, hoạt động dựa trên nguyên lý lọc và tái sử dụng liên tục từ 90% lượng nước nuôi; công nghệ Biofloc (BFT) - sử dụng các quần thể vi sinh vật có lợi được duy trì trong môi trường nuôi để xử lý chất hữu cơ, chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại, kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh; công nghệ Internet vạn vật (IoT) là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; công nghệ nuôi biển công nghiệp sử dụng lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

c) Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp liên quan nội dung hỗ trợ; có vốn đối ứng và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm.

2. Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ một lần sau khi cơ sở nuôi hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt (trong dự án hoặc phương án sản xuất); vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu thực tế, xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Hỗ trợ lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương. Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng.

b) Hỗ trợ công nghệ Internet vạn vật (IoT); ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ

a) Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải

- Bao gồm: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ

Biofloc (BFT).

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

- b) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi trồng thủy sản nước lợ

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, độ mặn); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

- c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt

- a) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi thủy sản lồng bè trên hồ chứa.

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản (cá Tầm, cá Chình, tôm Càng xanh, cá Lăng nha, cá Chép giòn)

- Bao gồm: Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh;... tích hợp công nghệ IoT, AI.

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 60 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.

3. Vốn đối ứng của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển
nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai
giai đoạn 2026 - 2030**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 6480/SNNMT-TS ngày 15/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Thủy sản; Luật Công nghệ cao.

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

...

l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”

Tại khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định:

“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

...

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”

Thực hiện Kết luận số 245-KL/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4605/UBND-NNMT ngày 16/4/2026 về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Từ những nội dung nêu trên, đồng thời trên cơ sở nội dung tại mục I dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Tại khoản 1 Điều 1, bổ sung nội dung “*giai đoạn 2026 - 2030*” phía sau cụm từ “*trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” cho rõ ràng, thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

b) Tại khoản 2 Điều 1, bỏ cụm từ “*Đối tượng áp dụng gồm*” để đảm bảo tính ngắn gọn, tránh trùng lặp từ ngữ,

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết được rõ ràng, hoàn thiện hơn, đề nghị:

1. Tại khoản 3 Điều 2 nêu: “*Mỗi nội dung hỗ trợ chỉ được hưởng một lần*”, tuy nhiên, để đảm bảo tính rõ nghĩa, cần nhắc chỉnh sửa như sau: “*Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.*”.

2. Tại Điều 3

a) Nội dung tại Điều này quy định về điều kiện, phương thức hỗ trợ đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở nuôi; tuy nhiên đối tượng này chưa được xác định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết; do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, có quy ước rõ ràng để đảm bảo tính thống nhất, dễ hiểu.

b) Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 hiện đang quy định về điều kiện hỗ trợ, đề nghị gộp thành một khoản để đảm bảo tính logic; đồng thời, trình bày mỗi điều kiện hỗ trợ thành một điểm a), b), c) ... để đảm bảo tính rõ ràng.

c) Ở khoản 2, nội dung tại khoản này quy định về các loại công nghệ cao được ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản; tuy nhiên, một số công nghệ cao được giải thích cụ thể như: “*công nghệ Biofloc (BFT) - sử dụng các quần thể vi sinh vật có lợi được duy trì trong môi trường nuôi để xử lý chất hữu cơ, chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại, kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh*”, một số công nghệ cao khác lại không được giải thích cụ thể như: “*hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS), công nghệ Internet vạn vật (IoT)...*”; do đó, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa cách trình bày nội dung tại khoản này cho thống nhất, trường hợp có nhiều từ ngữ chuyên ngành cần giải thích cho rõ ràng, đề nghị bổ sung thêm một Điều riêng quy định về “*Giải thích từ ngữ*”.

d) Ở khoản 3 nêu: “*Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung hỗ trợ*”, đề nghị cân nhắc chỉnh thành “*3. Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp liên quan nội dung hỗ trợ*;”.

đ) Ở khoản 4 nêu: “*lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt*”, tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết, tại khoản 1 Điều 3 quy định: “*có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận*”, đồng thời không có quy định về “*hồ sơ thiết kế được duyệt*”.

Tại đoạn cuối khoản này nêu: “*xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này*”, tuy nhiên, qua rà soát dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về “*tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật*”.

Do đó, để đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất, đề nghị Quý Sở chỉnh sửa các nội dung nêu trên hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ.

3. Tại Điều 4

a) Ở điểm a khoản 1, chỉnh sửa nội dung “*Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến.*” thành “*Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.*” cho rõ ràng, thống nhất.

b) Ở điểm b khoản 1 nêu:

“b) Hỗ trợ bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh và tai nạn lao động

- Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm đối với rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong nuôi biển; mức phí bảo hiểm bình quân được xác định khoảng 2,5% giá trị được bảo hiểm của hệ thống lồng nuôi và các tài sản phục vụ sản xuất trong thời hạn một năm. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 100 triệu đồng/cơ sở nuôi biển.

- Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm tai nạn lao động cho tối đa 10 lao động trực tiếp tham gia hoạt động nuôi biển tại cơ sở. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 1 triệu đồng/người.”

- Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết nêu: “quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao”, đồng thời mục đích ban hành Nghị quyết được thể hiện tại Mục II dự thảo Tờ trình nêu: “đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo...”; do đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc thêm về nội dung hỗ trợ phí bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh và tai nạn lao động cho phù hợp, thống nhất hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ.

- Qua rà soát các quy định pháp luật, cụ thể:

+ Tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định:

“Điều 15. Hợp đồng bảo hiểm

1. Các loại hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

a) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;

b) Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe;

c) Hợp đồng bảo hiểm tài sản;

d) Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại;

đ) Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.

Hợp đồng bảo hiểm quy định tại các điểm c, d và đ khoản này thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ.”

+ Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp quy định:

“3. Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm cho đối tượng sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, theo đó bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.”

+ Tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định:

“5. Bảo hiểm theo chỉ số thời tiết, theo đó khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo biến động của chỉ số thời tiết (mưa, gió, hạn hán, ngập lụt, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần...) theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, không phụ thuộc vào tổn thất thực tế của đối tượng bảo hiểm.”;

Do đó, Sở Tư pháp nhận thấy quy định về “phí bảo hiểm đối với rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong nuôi biển” chưa đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị Quý Sở làm rõ cơ sở pháp lý quy định về phí bảo hiểm nêu trên.

- Đồng thời, theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm: “16. Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm...”, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP:

“Điều 5. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

1. Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận, không giới hạn tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, rủi ro được bảo hiểm và phạm vi địa bàn.”

Đề nghị Quý Sở cân nhắc sự cần thiết, tính phù hợp đề tham mưu quy định: “mức phí bảo hiểm bình quân được xác định khoảng 2,5% giá trị được bảo hiểm của hệ thống lồng nuôi và các tài sản phục vụ sản xuất trong thời hạn một năm”, trường hợp cần thuyết minh làm rõ, đề nghị trình bày nội dung này tại dự thảo Tờ trình; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo để đảm bảo tính phù hợp.

c) Ở điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 nêu: “Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương”, tuy nhiên, chưa nêu rõ cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tiêu chí xác nhận “chứng nhận tương đương” là chưa đảm bảo tính rõ ràng; do đó, đề nghị Quý Sở chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ nêu trên hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ.

4. Tại khoản 1 Điều 6 nêu: “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.”, tuy nhiên, để đảm bảo tính phù hợp, đề nghị chỉnh sửa như sau: “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.”.

5. Tại Điều 7, để đảm bảo tính ngắn gọn, đề nghị chỉnh sửa khoản 1 và khoản 2 như sau: “1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.”

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và nội dung tại Mục VI dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Về nguồn tài chính, Quý Sở lưu ý giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính để dự thảo Nghị quyết được đảm bảo nguồn tài chính khi triển khai thực hiện.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Tuy nhiên, để dự thảo được hoàn thiện và rõ ràng hơn, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh nội dung sau:

a) Bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp theo Mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản

- Căn cứ quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: *“Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”*, cần nhắc bỏ các căn cứ ban hành là Luật Bảo vệ môi trường, Luật Hợp tác xã để đảm bảo ngắn gọn, phù hợp.

- Tại dòng *“Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành...”* chỉnh sửa thành *“Hội đồng nhân dân ban hành...”* cho phù hợp theo Mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

c) Đề nghị chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ đảm bảo đảm từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ văn bản, chẳng hạn như: nuôi trồng thủy sản trên biển/ nuôi biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ/ nuôi thủy sản nước lợ/ nuôi nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt/ nuôi nước ngọt.

d) Đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số lỗi soạn thảo như:

- Không viết hoa từ ngữ sau dấu chấm phẩy (;).
- Tại Điều 4, chỉnh sửa dấu câu cho chính xác, như: bỏ dấu phẩy (,) ở cuối điểm b khoản 1; bổ sung dấu chấm (.) ở cuối gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 1, gạch đầu dòng thứ nhất điểm c khoản 2, gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 3, gạch đầu dòng thứ nhất điểm c khoản 3.
- Tại phần nơi nhận:
 - + Chỉnh sửa “*Bộ Tài Chính*” thành “*Bộ Tài chính*”.
 - + Tại dòng “*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên Công báo điện tử);*” bỏ dòng “*(đăng tải trên Công báo điện tử)*” cho thống nhất cách trình bày.
 - + Chỉnh sửa “*Báo và Phát thanh – Truyền hình Gia Lai;*” thành “*Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;*” cho chính xác.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Tuy nhiên, tại phần cơ sở pháp lý dự thảo Tờ trình, đề nghị viện dẫn cụ thể điều khoản điểm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản làm cơ sở ban hành Nghị quyết để đảm bảo tính rõ ràng.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua.

Kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

Số: /TTr-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết thi hành;

Thực hiện Kết luận số 245-KL/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 581/BC-STP ngày 18/6/2026 kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế biển và phát triển thủy sản bền vững là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế cho người dân và góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được ban hành nghị quyết để quyết định các chính sách, biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý. Luật Ngân sách nhà nước quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các chính sách đặc thù của địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Bên cạnh đó, Luật Thủy sản năm 2017, Luật Công nghệ cao, Luật Hợp tác xã, Luật Bảo vệ môi trường và các cơ chế, chính sách của Chính phủ về khuyến nông, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định phát triển kinh tế biển, thủy sản và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 là phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Toàn tỉnh Gia Lai có diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 5.302 ha, bao gồm 2.032 ha nuôi thủy sản nước lợ, 3.270 ha nuôi cá quảng canh hồ chứa và ao, cùng 1.235 lồng /126.570 m³, bè nuôi cá nước ngọt; nuôi trồng thủy sản nước mặn khoảng 2.427 lồng/ 70.155 m³. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 18.741 tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: cá đạt 8.762 tấn, tôm đạt 8.354,8 tấn, thủy sản khác đạt 1.624,2 tấn.

Gia Lai có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản với diện tích mặt nước phong phú, vùng biển rộng, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nuôi biển, nuôi thủy sản nước lợ và nuôi thủy sản nước ngọt. Những

năm qua, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, quy mô sản xuất hiện nay vẫn chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán; mức độ ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế; hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ; năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng chưa cao. Đối với nuôi biển, phần lớn còn sử dụng lồng bè truyền thống, quy mô nhỏ, tập trung ven bờ, khả năng chống chịu với sóng gió, thiên tai còn hạn chế. Đối với nuôi thủy sản nước lợ và nước ngọt, tỷ lệ áp dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ tuần hoàn, hệ thống nuôi tiết kiệm nước, tự động hóa, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc còn thấp; liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững, sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, yêu cầu phát triển xanh, giảm phát thải, chuyển đổi số và nâng cao giá trị gia tăng đối với ngành nông nghiệp nói chung, ngành thủy sản nói riêng đặt ra yêu cầu cần có những cơ chế, chính sách mang tính khuyến khích, tạo động lực để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

Theo Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, mục tiêu đến năm 2030 ngành thủy sản của tỉnh phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Để thực hiện các mục tiêu trên, cần thiết phải ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo động lực thúc đẩy tổ chức, cá nhân đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển ngành thủy sản của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế biển, phát triển thủy sản bền vững và thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thông qua việc ban hành chính sách, tạo cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các

tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; thúc đẩy chuyển đổi phương thức sản xuất từ quy mô nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tuần hoàn, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất thủy sản.

Đồng thời, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản; phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và thúc đẩy phát triển ngành thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050.

Chính sách được xây dựng trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương; không trùng lặp với các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và các chính sách khác đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; ưu tiên phát triển nuôi biển ứng dụng công nghệ cao, đồng thời khuyến khích phát triển nuôi thủy sản nước lợ và nuôi thủy sản nước ngọt ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước mang tính chất khuyến khích, tạo động lực và dẫn dắt đầu tư, nhằm huy động tối đa các nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình và cá nhân tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; gắn phát triển sản xuất với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành thủy sản trong giai đoạn mới; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản

ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kết luận số 245-KL/ĐU ngày 12 tháng 3 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2986/UBND-NNMT ngày 16/3/2026 về chủ trương xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030, trong đó đồng ý chủ trương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Trung ương, kinh nghiệm thực tiễn của một số địa phương; rà soát các cơ chế, chính sách đang được thực hiện để bảo đảm tính đồng bộ, tránh chồng chéo và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Ngày 24/3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-SNNMT về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Ngày 02/4-06/4/2026, Tổ soạn thảo đã tiến hành họp, thảo luận để thống nhất nội dung và xây dựng dự thảo Nghị quyết ban đầu.

Ngày 10/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 3639/SNNMT-TS gửi các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030.

Ngày 20/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 5300/SNNMT-TS gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị đăng tải dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định; các ý kiến góp ý đã được

cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

Ngày 25/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 5548/SNNMT-TS gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai đề nghị tổ chức phản biện xã hội đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ngày 08/6/2026, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai đã có Thông báo số 30/TB-MTTQ-BTT về kết quả phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các ý kiến phản biện đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Ngày 15/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 6480/SNNMT-TS gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Ngày 18/6/2026, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo thẩm định số 581/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng với bố cục gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

3. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

4. Ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Điều kiện, phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản

b) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải áp dụng ít nhất một trong các công nghệ cao sau đây: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS) là hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn khép kín, hoạt động dựa trên nguyên lý lọc và tái sử dụng liên tục từ 90% lượng nước nuôi; công nghệ Biofloc (BFT) - sử dụng các quần thể vi sinh vật có lợi được duy trì trong môi trường nuôi để xử lý chất hữu cơ, chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại, kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh; công nghệ Internet vạn vật (IoT) là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; công nghệ nuôi biển công nghiệp sử dụng lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

c) Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp liên quan nội dung hỗ trợ; có vốn đối ứng và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm.

2. Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ một lần sau khi cơ sở nuôi hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt (trong dự án hoặc phương án sản xuất); vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu thực tế, xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Hỗ trợ lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.

Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương. Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng.

b) Hỗ trợ phí bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh và tai nạn lao động

- Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm đối với rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản trên biển; mức phí bảo hiểm bình quân được xác định khoảng 2,5% giá trị được bảo hiểm của hệ thống lồng nuôi và các tài sản phục vụ sản xuất trong thời hạn một năm. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 100 triệu

đồng/cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm tai nạn lao động cho tối đa 10 lao động trực tiếp tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển tại cơ sở. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 1 triệu đồng/người.

c) Hỗ trợ công nghệ Internet vạn vật (IoT); ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

d) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi biển.

2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ

a) Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải

- Bao gồm: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ Biofloc (BFT).

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

b) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi trồng thủy sản nước lợ

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, độ mặn); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ.

3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt

a) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi thủy sản lồng bè trên hồ chứa.

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản (cá Tầm, cá Chình, tôm Càng xanh, cá Lăng nha, cá Chép giòn)

- Bao gồm: Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh;... tích hợp công nghệ IoT, AI.

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa: 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và GlobalGAP

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa: 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa: 60 triệu đồng/ cơ sở nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.
3. Vốn đối ứng của tổ chức, cá nhân.
4. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn lực thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 được bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc bố trí kinh phí thực hiện được thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong từng năm, bảo đảm phù hợp với kế hoạch đầu tư công

trung hạn, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách giai đoạn 2026 - 2030 là 150 tỷ đồng, bình quân 30 tỷ đồng/năm, cụ thể:

STT	Năm	Kinh phí (tỷ)
1	2026	7,5
2	2027	22,5
3	2028	30
4	2029	45
5	2030	45
	TỔNG	150

Ngoài nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, chính sách còn có vai trò khuyến khích, tạo động lực huy động nguồn lực của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội và phát huy tính chủ động của các thành phần kinh tế.

2. Điều kiện bảo đảm thi hành

Hiện nay, tỉnh Gia Lai có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản; hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn; các chương trình, đề án phát triển thủy sản, chương trình phát triển khoa học và công nghệ, chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp đang được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện chính sách.

Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan có đủ điều kiện để phối hợp tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, nhu cầu đầu tư, ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh là rất lớn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thực hiện chính sách, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết và kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

3. Thời gian áp dụng Nghị quyết: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2030.

(Tài liệu gửi kèm, bao gồm: 1. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai

đoạn 2026-2030; 2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030; 3. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách; 4. Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; 5. Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; 6. Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030 của Sở Tư pháp; 7. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; 8. Thông báo kết quả phản biện xã hội đối với dự thảo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; 9. Các tài liệu có liên quan khác theo quy định)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- PGĐ Sở Trần Quốc Khánh;
- Phòng KHTC Sở;
- Lưu: VT, CCTS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026–2030

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được.

Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội: 154

Tổng số ý kiến nhận được: 48

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Cần xác định rõ đối tượng được hỗ trợ	Tiếp thu: Bổ sung đối tượng áp dụng gồm tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết
		Đề nghị chính sách phải có trọng tâm, tránh dàn trải, tránh trùng lặp	Tiếp thu: Điều chỉnh nguyên tắc hỗ trợ theo hướng ưu tiên các dự án ứng dụng công

		với các chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương; quan tâm hỗ trợ người dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản	nghe cao, liên kết chuỗi giá trị, đối tượng ưu tiên là các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi nghề khai thác sang nuôi trồng thủy sản; không hỗ trợ trùng lặp với các chính sách khác tại Điều 2
		Cần bổ sung tiêu chí, điều kiện hỗ trợ cụ thể để bảo đảm khả thi	Tiếp thu: Bổ sung điều kiện về quy mô sản xuất, phương án sản xuất, giấy chứng nhận đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản, hóa đơn chứng từ hợp lệ, vốn đối ứng và các điều kiện cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ tại Điều 3
		Đề nghị làm rõ tiêu chí ứng dụng công nghệ cao	Tiếp thu: Bổ sung khái niệm công nghệ AI, IoT, Biofloc, hệ thống quan trắc môi trường, công nghệ tuần hoàn nước và các giải pháp giảm phát thải tại Điều 3
		Đề nghị tăng cường yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc	Tiếp thu: Bổ sung yêu cầu áp dụng quy trình sản xuất an toàn, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, đáp ứng các tiêu chuẩn VietGAP, ASC hoặc tương đương tại Điều 4
		Đề nghị quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát	Tiếp thu: Bổ sung trách nhiệm của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tại Điều 7
		Đề nghị quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ	Tiếp thu một phần: Nội dung này thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành văn bản hướng dẫn thực

			hiện
		Đề nghị có cơ chế công khai, minh bạch, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách	Tiếp thu: Bổ sung nguyên tắc công khai, minh bạch; tăng cường kiểm tra, giám sát và thanh quyết toán theo quy định của pháp luật tại Điều 2 và Điều 6
Dự thảo Tờ trình	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Cần làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết và cơ sở thực tiễn của chính sách	Tiếp thu: Bổ sung, cập nhật cơ sở chính trị, pháp lý; số liệu hiện trạng nuôi trồng thủy sản và mục tiêu Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 tại phần I Dự thảo Tờ trình
		Đề nghị rà soát căn cứ pháp lý bảo đảm đầy đủ, thống nhất với quy định hiện hành	Tiếp thu: Bổ sung Luật Công nghệ cao năm 2008, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản liên quan trong phần căn cứ của Tờ trình và Nghị quyết
		Đề nghị xem xét mức hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương	Tiếp thu: Rà soát lại quy mô kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác tại mục VI dự thảo
		Đề nghị đánh giá kỹ hiệu quả kinh tế - xã hội của chính sách	Tiếp thu: Hoàn thiện nội dung đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường tại mục V Dự thảo
Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	Tại phần căn cứ ban hành văn bản, chỉnh sửa “Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;” thành “Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14	Tiếp thu: Bổ sung vào phần các căn cứ của dự thảo Nghị quyết

		được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;”.	
		Tại Điều 1 - Ở khoản 1 nêu: “nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: Nuôi biển, Nuôi nước lợ, Nuôi nước ngọt”, ở khoản 2 nêu “nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản trên biển, nước lợ, nước ngọt”; theo đó, từ ngữ chỉ nội dung giống nhau nhưng chưa được sử dụng thống nhất trong văn bản, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ nêu trên cho thống nhất. - Ở khoản 2, bỏ cụm từ “tại địa bàn tỉnh Gia Lai” cho ngắn gọn, vì phạm vi điều chỉnh đã được quy định tại khoản 1.	Tiếp thu: Bổ sung vào điều 1 và điều 4: nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt
		Tại Điều 2, nội dung của Điều này quy định về “Nguyên tắc hỗ trợ”, tuy nhiên, tại khoản 4 Điều này nêu: “4. Đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ tại Điều 4 Nghị quyết này.”, theo đó, việc quy định về điều kiện hỗ trợ tại điều khoản quy định về nguyên tắc hỗ trợ là chưa đảm bảo tính thống	Tiếp thu: Đã bỏ nội dung này tại điều 2 của dự thảo

		nhất, đề nghị cân nhắc thêm sự cần thiết đối với quy định này.	
		Tại Điều 3: - Tại tiêu đề của khoản 1, 2, 3 Điều này là “1. Hỗ trợ nuôi biển, 2. Hỗ trợ nuôi nước lợ”, 3. Hỗ trợ nuôi nước ngọt”, để đảm bảo tính rõ ràng, tham khảo chỉnh sửa như sau: “1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển, 2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ”, 3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt”.	Tiếp thu: Đã điều chỉnh nội dung: 1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển, 2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ”, 3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại điều 4 của dự thảo
		Tại Điều 3: - Nội dung quy định về quy mô hỗ trợ tại Điều này nêu: “75 tỷ đồng”, “30 tỷ đồng”, “06 tỷ đồng”, tuy nhiên không xác định việc phân bổ hỗ trợ theo năm hay theo giai đoạn là chưa đảm bảo tính rõ ràng. Đồng thời, xác định việc sử dụng từ ngữ: “Quy mô” hay “kinh phí” cho chính xác, thống nhất, vì tại điểm a khoản 1 nêu “Quy mô hỗ trợ: 75 tỷ đồng”, tại điểm b khoản 1 nêu: “Quy mô hỗ trợ: Bảo hiểm 5 năm - kinh phí: 15 tỷ đồng/ năm”, tại điểm c khoản 1 nêu: “Quy mô hỗ trợ: 30 tỷ đồng”, tại điểm a khoản 2 nêu: “Quy mô hỗ	Tiếp thu: Đã bỏ nội dung quy định về quy mô hỗ trợ

		trợ: 50 ha - kinh phí: 7,5 tỷ đồng”...	
		Tại Điều 3: - Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b nêu: “- Hỗ trợ phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động không quá 400.000 đồng/01 người lao động/năm. Tối đa 04 người/hộ, 10 người/tổ chức nuôi trồng thủy sản trên biển. Hỗ trợ số người lao động theo chiều dài lớn nhất của phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản: Dưới 12 mét: 02 lao động; từ 12 mét đến dưới 15 mét: 03 lao động; từ 15 mét đến dưới 24 mét: 04 lao động; từ 24 mét trở lên: 06 lao động.”, theo đó, việc quy định số lượng người được hưởng hỗ trợ phí mua bảo hiểm tai nạn lao động vừa giới hạn theo “số người/hộ” và theo “chiều dài phương tiện” sẽ dễ gây ra mâu thuẫn, xung đột khi áp dụng; do đó, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa quy định này cho rõ ràng, phù hợp.	Tiếp thu: Đã bỏ nội dung này tại điều 4 của dự thảo.
		Tại Điều 3: - Nội dung tại Điều này có sử dụng nhiều từ ngữ chuyên môn như: “lồng HDPE”, “công nghệ Biofloc”, “DO, pH” ...; do đó, cân nhắc bỏ	Tiếp thu: Bổ sung giải thích tại điều 3.

		sung nội dung giải thích đối với những từ ngữ chuyên môn để đảm bảo tính rõ ràng.	
		Tại Điều 4 - Đề bảo đảm tính rõ ràng, phù hợp, đề nghị chỉnh sửa bố cục tại Điều này thành hai khoản, khoản 1 quy định về điều kiện hỗ trợ, khoản 2 quy định về phương thức hỗ trợ. - Ở khoản 5, đề nghị viện dẫn quy định đảm bảo rõ ràng, cụ thể như: “Tại điểm a khoản 1 Điều 3” của văn bản nào?	Tiếp thu: Bổ sung tại điều 3 (điều kiện và phương thức hỗ trợ)
		Tại phần nơi nhận - Chỉnh sửa nội dung “, Chính phủ;”, “Đoàn đại biểu Quốc hội;”, “Trung tâm phục vụ hành chính công;”, “Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;” cho chính xác. - Bổ sung cơ quan nhận văn bản là “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;”.	Tiếp thu: Đã bổ sung vào nội dung nơi nhận của dự thảo
Dự thảo Nghị quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Phần căn cứ ban hành Nghị quyết, đề nghị rà soát và bổ sung các văn bản làm căn cứ trực tiếp cho ban hành của Nghị quyết.	Tiếp thu: Đã rà soát, bổ sung vào nội dung căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết
		Tại khoản 1, Điều 1: Đề nghị nghiên cứu sử dụng từ cho phù hợp	Tiếp thu: Đã bổ sung phù hợp khoản 1, Điều

		đối với cụm từ : “... các lĩnh vực: Nuôi biển, Nuôi nước lợ, Nuôi nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai”	1 của dự thảo
		Tại điểm a, khoản 1, Điều 3: “Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư lồng HDPE. Tối đa 300 triệu đồng/lồng”, đề nghị làm rõ đơn vị tính là Lồng hay Dự án và đề nghị thống nhất đơn vị tính triệu đồng hoặc tỷ đồng.	Tiếp thu: Tại điều 3: Đơn vị tính là triệu đồng/lồng
		Tại khoản b, Điều 3: “Hỗ trợ chuyển giao công nghệ nuôi thủy sản đặc sản”. Tuy nhiên, phần nội dung hỗ trợ chỉ tập trung vào hỗ trợ “Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh”. Do đó, giữa nội dung và tiêu đề là chưa có sự thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát và điều chỉnh cho phù hợp.	Tiếp thu: Bỏ nội dung: Hỗ trợ chuyển giao công nghệ nuôi thủy sản đặc sản, thay bằng: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản tại điều 4
		Tại khoản 5, Điều 4: Đề nghị rà soát và thống nhất cách dùng “Tổng thể tích nuôi” “Quy mô sản xuất” tại điểm a, điểm d.	Tiếp thu: Bỏ nội dung này tại điều 4
		f) Đề nghị thống nhất áp dụng quy trình nuôi thâm canh/bán thâm canh hoặc quy trình thực hành nuôi tốt: VietGAP hoặc tương đương hay VietGAP/ASC và tương đương.	Tiếp thu: Sửa đổi, thống nhất áp dụng quy trình VietGAP/ASC và tương đương tại điều 4
Dự thảo Tờ trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Phần cơ sở chính trị, pháp lý (mục	Tiếp thu: Đã bổ sung vào Phần cơ sở chính

		1, phần I). Đề nghị bổ sung một số Văn bản làm căn cứ pháp lý làm cơ sở cho việc đề nghị ban hành Nghị quyết như: Nghị định 17/2018/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I).	trị, pháp lý (mục 1, phần I).
Dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	Về mức hỗ trợ: Sở Tài chính đề xuất quy định thống nhất mức hỗ trợ 30% đối với các chính sách (tham khảo mức hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND).	Tiếp thu một phần: Thông nhất mức hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển, nước ngọt và nước lợ. Tuy nhiên, đề xuất 40%. Vì áp dụng theo Nghị định số 83/2018/NĐ-aCP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
		Đối với nội dung hỗ trợ thủy sản trên biển, Sở Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát,	Không tiếp thu: Vì nuôi ở vùng biển hở nên tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư

		nghiên cứu một số nội dung như sau: - Đề nghị không quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh vì không đảm bảo mục tiêu ban đầu của chính sách nhằm khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. - Đối với chính sách hỗ trợ lồng HDPE công nghệ cao, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định bổ sung mức hỗ trợ tối đa (theo quy mô lồng hoặc theo cơ sở nuôi trồng thủy sản) để đảm bảo chính sách ban hành mang tính thực tiễn và đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.	
Dự thảo Tờ trình	Sở Tài chính	Về cơ sở chính trị, pháp lý tại khoản 1 Mục I: Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng chính sách căn cứ điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước	Tiếp thu: Đã rà soát, loại bỏ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản, 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật, Nghị định số 09/2025 ngày 10/01/2025 quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực

		số 89/2025/QH15. Do đó, đề nghị vật trong nội dung cơ sở chính trị, pháp lý cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉ đề cập đến các văn bản là cơ sở pháp lý để xây dựng chính sách hỗ trợ. Lý do: các văn bản do Chính phủ ban hành như: Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản, 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 quy định chính sách hỗ trợ phát khắc phục dịch bệnh động vật, Nghị định số 09/2025 ngày 10/01/2025 quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật không quy định HĐND tỉnh ban hành các chính sách tại Dự thảo Nghị quyết	
		Về nguồn kinh phí thực hiện: Tại khoản 2 Kết luận số 245-KL/ĐU ngày 12/3/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh tại Hội nghị lần thứ 21 về nội dung kinh tế - xã hội thống nhất chủ trương xây dựng chính sách này, lưu ý không hỗ trợ	Tiếp thu: Đã rà soát, loại bỏ nội dung này trong phần nguồn kinh phí thực hiện

		dàn trải, chỉ tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản biển; đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước ngọt, hỗ trợ chủ yếu vào việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới gắn với bảo vệ môi trường. Đồng thời tính toán lại ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 30 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình có nêu nguồn vốn thực hiện chính sách giai đoạn 2026 – 2030 với số tiền 800 tỷ đồng bao gồm: ngân sách tỉnh hỗ trợ 150 tỷ đồng; lồng ghép ngân sách trung ương, các dự án hỗ trợ và các nguồn khác 50 tỷ đồng; vốn đối ứng của các đối tượng thụ hưởng là 600 tỷ đồng. Do đó, Sở Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định chính sách hỗ trợ đảm bảo ngân sách tỉnh bố trí không quá 30 tỷ đồng/năm; đồng thời làm rõ nguồn vốn lồng ghép ngân sách Trung ương, các dự án hỗ trợ và các nguồn khác để thực hiện chính sách nào. Bên cạnh đó, chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ rà soát,	
--	--	--	--

		xác định kinh phí thực hiện chính sách này có thuộc nhiệm vụ chỉ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (thường xuyên hay đầu tư; nhiệm vụ chỉ của ngân sách tỉnh hay ngân sách xã, phường), hoặc lồng ghép trong các Chương trình, dự án khoa học công nghệ (lĩnh vực thủy sản và phát triển bền vững ngành thủy sản) hay không để Sở Tài chính có cơ sở rà soát, tham gia ý kiến về nguồn kinh phí theo đúng quy định.	
		Về đối tượng áp dụng của chính sách: Theo nội dung nêu trên, tổ chức đủ điều kiện hỗ trợ có thể bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định hiện hành, xác định tính phù hợp của các chính sách hỗ trợ đối với các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định.	Không tiếp thu: Vì hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện vẫn được áp dụng.
Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	a) Tại khoản 1 Điều 1, bổ sung nội dung “ <i>giai đoạn 2026 - 2030</i> ” phía sau cụm từ “ <i>trên địa</i>	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 1

		<i>bàn tỉnh Gia Lai</i>” cho rõ ràng, thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết. b) Tại khoản 2 Điều 1, bỏ cụm từ “<i>Đối tượng áp dụng gồm</i>” để đảm bảo tính ngắn gọn, tránh trùng lặp từ ngữ	
		1. Tại khoản 3 Điều 2 nêu: “<i>Mỗi nội dung hỗ trợ chỉ được hưởng một lần</i>”, tuy nhiên, để đảm bảo tính rõ nghĩa, cân nhắc chỉnh sửa như sau: “<i>Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần đối với từng nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.</i>”.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 2
		2. Tại Điều 3 a) Nội dung tại Điều này quy định về điều kiện, phương thức hỗ trợ đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở nuôi; tuy nhiên đối tượng này chưa được xác định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết; do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, có quy ước rõ ràng để đảm bảo tính thống nhất, dễ hiểu.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 3
		b) Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 hiện đang quy định về điều kiện hỗ trợ, đề nghị gộp thành một khoản để đảm bảo tính logic; đồng thời, trình bày mỗi điều	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 3

		kiện hỗ trợ thành một điểm a), b), c) ... để đảm bảo tính rõ ràng.	
		c) Ở khoản 2, nội dung tại khoản này quy định về các loại công nghệ cao được ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản; tuy nhiên, một số công nghệ cao được giải thích cụ thể như: “<i>công nghệ Biofloc (BFT) - sử dụng các quần thể vi sinh vật có lợi được duy trì trong môi trường nuôi để xử lý chất hữu cơ, chuyển hóa các hợp chất nitơ độc hại, kiểm soát chất lượng nước, hạn chế dịch bệnh</i>”, một số công nghệ cao khác lại không được giải thích cụ thể như: “<i>hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS), công nghệ Internet vạn vật (IoT)...</i>”; do đó, đề nghị cân nhắc chỉnh sửa cách trình bày nội dung tại khoản này cho thống nhất, trường hợp có nhiều từ ngữ chuyên ngành cần giải thích cho rõ ràng, đề nghị bổ sung thêm một Điều riêng quy định về “<i>Giải thích từ ngữ</i>”.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 3
		d) Ở khoản 3 nêu: “<i>Có hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung hỗ trợ</i>”, đề nghị cân nhắc chỉnh thành “<i>3. Có hóa đơn, chứng từ</i>	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 3

		hợp pháp liên quan nội dung hồ trợ; ”.	
		đ) Ở khoản 4 nêu: “lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt”, tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết, tại khoản 1 Điều 3 quy định: “có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận”, đồng thời không có quy định về “hồ sơ thiết kế được duyệt”. Tại đoạn cuối khoản này nêu: “xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này”, tuy nhiên, qua rà soát dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về “tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật”. Do đó, để đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất, đề nghị Quý Sở chỉnh sửa các nội dung nêu trên hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 3
		3. Tại Điều 4 a) Ở điểm a khoản 1, chỉnh sửa nội dung “<i>Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lòng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến.</i>” thành “<i>Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư</i>	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 4

		lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương.” cho rõ ràng, thống nhất.	
		b) Ở điểm b khoản 1 nêu: “b) Hỗ trợ bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh và tai nạn lao động - Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm đối với rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong nuôi biển; mức phí bảo hiểm bình quân được xác định khoảng 2,5% giá trị được bảo hiểm của hệ thống lồng nuôi và các tài sản phục vụ sản xuất trong thời hạn một năm. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 100 triệu đồng/cơ sở nuôi biển. - Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm tai nạn lao động cho tối đa 10 lao động trực tiếp tham gia hoạt động nuôi biển tại cơ sở. Mức hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm tối đa 1 triệu đồng/người.” - Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết nêu: “quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao”, đồng thời mục đích ban hành Nghị quyết được thể hiện tại Mục II dự thảo Tờ	Tiếp thu: Đã bỏ nội dung này tại điều 4 của dự thảo.

		trình nêu: “<i>đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo...</i>”; do đó, đề nghị Quý Sở cân nhắc thêm về nội dung hỗ trợ phí bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh và tai nạn lao động cho phù hợp, thống nhất hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ. - Qua rà soát các quy định pháp luật, cụ thể: + Tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “Điều 15. Hợp đồng bảo hiểm <i>1. Các loại hợp đồng bảo hiểm bao gồm:</i> <i>a) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;</i> <i>b) Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe;</i> <i>c) Hợp đồng bảo hiểm tài sản;</i> <i>d) Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại;</i> <i>đ) Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.</i> <i>Hợp đồng bảo hiểm quy định tại các điểm c, d và đ khoản này thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ.”</i> + Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp quy định:	
--	--	--	--

		“3. Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm cho đối tượng sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, theo đó bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.”. + Tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định: “5. Bảo hiểm theo chỉ số thời tiết, theo đó khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo biến động của chỉ số thời tiết (mưa, gió, hạn hán, ngập lụt, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần...) theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, không phụ thuộc vào tổn thất thực tế của đối tượng bảo hiểm.”; Do đó, Sở Tư pháp nhận thấy quy định về “phí bảo hiểm đối với rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong nuôi biển” chưa đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị Quý Sở làm rõ cơ sở pháp lý quy định về phí bảo hiểm nêu trên. - Đồng thời, theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Kinh	
--	--	---	--

		doanh bảo hiểm: “16. <i>Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm...</i>”, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP: “Điều 5. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp 1. <i>Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện thoả thuận, không giới hạn tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, rủi ro được bảo hiểm và phạm vi địa bàn.</i>” Đề nghị Quý Sở cân nhắc sự cần thiết, tính phù hợp để tham mưu quy định: “<i>mức phí bảo hiểm bình quân được xác định khoảng 2,5% giá trị được bảo hiểm của hệ thống lồng nuôi và các tài sản phục vụ sản xuất trong thời hạn một năm</i>”, trường hợp cần thuyết minh làm rõ, đề nghị trình bày nội dung này tại dự thảo Tờ trình; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo để đảm bảo tính	
--	--	--	--

		phù hợp.	
		c) Ở điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 nêu: “ <i>Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương</i> ”, tuy nhiên, chưa nêu rõ cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tiêu chí xác nhận “ <i>chứng nhận tương đương</i> ” là chưa đảm bảo tính rõ ràng; do đó, đề nghị Quý Sở chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ nêu trên hoặc giải trình, thuyết minh làm rõ.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 4
		4. Tại khoản 1 Điều 6 nêu: “ <i>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</i> ”, tuy nhiên, để đảm bảo tính phù hợp, đề nghị chỉnh sửa như sau: “ <i>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</i> ”.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 6
		5. Tại Điều 7, để đảm bảo tính ngắn gọn, đề nghị chỉnh sửa khoản 1 và khoản 2 như sau: “ <i>1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.</i> ”	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung các nội dung tại Điều 7
		Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh

		nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và nội dung tại Mục VI dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Về nguồn tài chính, Quý Sở lưu ý giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính để dự thảo Nghị quyết được đảm bảo nguồn tài chính khi triển khai thực hiện.	
		Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản a) Bỏ đường kẻ ngang phía dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp theo Mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh

		b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản - Căn cứ quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”, cần nhắc bỏ các căn cứ ban hành là Luật Bảo vệ môi trường, Luật Hợp tác xã để đảm bảo ngắn gọn, phù hợp. - Tại dòng “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành...” chỉnh sửa thành “Hội đồng nhân dân ban hành...” cho phù hợp theo Mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh
		c) Đề nghị chỉnh sửa việc sử dụng từ ngữ đảm bảo đảm từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ văn bản, chẳng hạn như: nuôi trồng thủy sản trên biển/ nuôi biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ/ nuôi thủy sản nước lợ/ nuôi nước lợ, nuôi trồng thủy sản	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh

		nước ngọt/ nuôi nước ngọt.	
		d) Đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số lỗi soạn thảo như: - Không viết hoa từ ngữ sau dấu chấm phẩy (;). - Tại Điều 4, chỉnh sửa dấu câu cho chính xác, như: bỏ dấu phẩy (,) ở cuối điểm b khoản 1; bổ sung dấu chấm (.) ở cuối gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 1, gạch đầu dòng thứ nhất điểm c khoản 2, gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 3, gạch đầu dòng thứ nhất điểm c khoản 3. - Tại phần nơi nhận: + Chỉnh sửa “<i>Bộ Tài Chính</i>” thành “<i>Bộ Tài chính</i>”. + Tại dòng “<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên Công báo điện tử)</i>;” bỏ dòng “<i>(đăng tải trên Công báo điện tử)</i>” cho thống nhất cách trình bày. + Chỉnh sửa “<i>Báo và Phát thanh – Truyền hình Gia Lai</i>;” thành “<i>Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai</i>;” cho chính xác.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh

		Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ CP). Tuy nhiên, tại phần cơ sở pháp lý dự thảo Tờ trình, đề nghị viện dẫn cụ thể điều khoản điểm của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản làm cơ sở ban hành Nghị quyết để đảm bảo tính rõ ràng.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh
		Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua.	Tiếp thu: Đã rà soát, điều chỉnh
Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	Văn phòng UBND Tỉnh	Không nhận được ý kiến phản hồi nào trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai về dự thảo văn bản.	
	Sở Nội vụ	Thống nhất dự thảo Tờ trình và	

		Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030	
	Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng	Nhất trí, không có ý kiến bổ sung về dự thảo Tờ trình và Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030	
	Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục: Bảo vệ Môi trường, Chăn nuôi và Thú y, Phát triển nông thôn; Trung tâm Khuyến nông)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030	
	UBND các xã/ phường	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030	

Số: 30/TB-MTTQ-BTT

Gia Lai, ngày 08 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030”

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Chương trình công tác của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về phản biện xã hội năm 2026; căn cứ Công văn số 5548/SNNMT-TS ngày 25/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phản biện xã hội đối với nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “*Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030*”;

Ngày 03/6/2026, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chủ trì tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản trên. Thành phần tham dự gồm có: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; đại diện một số sở, ngành của tỉnh; tổ chức thành viên, hội đồng tư vấn Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các vị nguyên là trưởng các ngành chuyên môn, một số chuyên gia, doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Qua các ý kiến của đại biểu tham gia phát biểu thảo luận tại Hội nghị và ý kiến tham gia bằng văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổng hợp thông báo như sau:

I. Nhận xét chung

Cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “*Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030*”: Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển ngành thủy sản trong giai đoạn hiện nay, đây cũng là một trong những chính sách mang tính đột phá, tạo cơ sở pháp lý để triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách hỗ trợ; góp phần thu hút doanh nghiệp, khuyến khích các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư, mở rộng sản xuất gắn với đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản; thúc đẩy phát triển, chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, giảm khai thác, tăng nuôi trồng; nâng cao giá trị sản xuất, thu nhập cho người dân ven biển và vùng hồ chứa, giải quyết việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

II. Nội dung cụ thể

1. Về kết cấu, bố cục:

Cơ bản thống nhất với kết cấu, bố cục của dự thảo Nghị quyết; nội dung được trình bày tương đối rõ ràng, chặt chẽ, khoa học, bảo đảm thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.

Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị nên nghiên cứu bố cục lại dự thảo theo hình thức như Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, kết cấu bố cục văn bản nên Quy định gồm 03 chương, 07 điều, cụ thể:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ (*gộp Điều 2 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 5*), gồm: Nguyên tắc hỗ trợ; Điều kiện hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Chương II. ĐỊNH MỨC VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 4. Nội dung và quy mô hỗ trợ (*gộp Điều 4 và các điều kiện về quy mô tại điểm e khoản 1 Điều 5*), trong đó mỗi nội dung hỗ trợ quy định đồng thời mức hỗ trợ và quy mô tối thiểu để được hưởng chính sách.

Điều 5. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

Trong đó gộp các điều kiện về quy mô hỗ trợ vào từng nội dung hỗ trợ tương ứng sẽ giúp hệ thống hóa các quy định theo từng nhóm nội dung, bảo đảm tính logic, thống nhất và khoa học trong kết cấu văn bản; tạo thuận lợi cho việc tra cứu, đối chiếu, áp dụng và tổ chức thực hiện; đồng thời hạn chế việc viện dẫn qua nhiều điều khoản, phù hợp với kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tại khoản 2, Điều 1 - Đối tượng áp dụng: đề nghị bổ sung cụm từ “**ứng dụng công nghệ cao**” sau từ “thủy sản” để làm rõ hơn đối tượng được hưởng chính sách, phân biệt với nuôi trồng thủy sản thông thường, đồng thời đảm bảo tính thống nhất với mục tiêu của Nghị quyết là khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Nội dung viết lại thành: “... chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản **ứng dụng công nghệ cao**; đầu tư nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.”

3. Tại Điều 2 - Nguyên tắc hỗ trợ

- Khoản 3: Đề nghị bổ sung cụm từ “**ứng dụng công nghệ cao**” sau từ “thủy sản”. Nội dung viết lại thành: “Ưu tiên dự án quy mô lớn, liên kết chuỗi; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản **ứng dụng công nghệ cao**.”

- Đồng thời đề nghị bổ sung thêm 02 nguyên tắc sau:

“ 4. Đảm bảo nguồn lực hỗ trợ và năng lực quản lý.

5. Dự án phải đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ”.

Để đảm bảo chính sách hỗ trợ có tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện; đồng thời định hướng các dự án được hỗ trợ gắn với yêu cầu an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách, hạn chế đầu tư dàn trải, phòng ngừa rủi ro dịch bệnh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao theo hướng hiện đại, ổn định và bền vững.

4. Tại Điều 3 - Giải thích từ ngữ

- Đề nghị nên thay từ “**giải thích**” sau từ “được” bằng từ “**hiểu**” để nội dung phù hợp hơn. Nội dung viết lại thành: “*Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*”.

- Nhiều ý kiến cho rằng: Ngoài những từ ngữ được giải thích trong dự thảo Nghị quyết còn nhiều từ ngữ khác cũng cần được giải thích như: **IoT** (hệ thống quan trắc môi trường thông minh ứng dụng công nghệ Internet vạn vật hoặc hệ thống cảm biến ứng dụng công nghệ Internet vạn vật), **AI** (trí tuệ nhân tạo), **RAS** (Hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn hoặc công nghệ nuôi trồng thủy sản tuần hoàn, khép kín), **VietGap** (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam), **ASC** (Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản), **QC/QCCT** (Quy trình đảm bảo sản phẩm/ Dịch vụ đạt chất lượng trước khi tung ra thị trường), **TC/BTC** (Tài chính/ Bảo trợ tài chính)...

Nếu bổ sung đầy đủ các thuật ngữ này vào Điều 3 thì nội dung Nghị quyết sẽ trở nên dài, khó theo dõi; ngược lại, nếu chỉ giải thích một số thuật ngữ thì sẽ thiếu tính thống nhất và chưa bảo đảm đầy đủ. Do đó, đề nghị không quy định nội dung giải thích từ ngữ tại Điều 3 mà xây dựng thành **Phụ lục kèm theo Nghị quyết**. Cách thức này vừa đảm bảo ngắn gọn, khoa học của văn bản, vừa phù hợp, thuận tiện cho việc tra cứu, cập nhật và áp dụng thống nhất các thuật ngữ chuyên môn.

5. Tại Điều 4 - Nội dung hỗ trợ

- Khoản 1 - Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển:

+ **Điểm a: Hỗ trợ lồng HDPE công nghệ cao:** Dự thảo quy định mức hỗ trợ **40% chi phí đầu tư lồng HDPE, tối đa 300 triệu đồng/lồng**. Tuy nhiên, qua ý kiến tham gia cho rằng mức hỗ trợ này còn thấp so với tổng chi phí đầu tư thực tế, nhất là các hạng mục như hệ thống neo, phao và các thiết bị phụ trợ đi kèm. Bên cạnh đó, việc triển khai mô hình nuôi biển bằng lồng HDPE trên địa bàn tỉnh là giai đoạn đầu, người dân và doanh nghiệp còn phải đầu tư lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy cần có chính sách khuyến khích mạnh hơn.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nâng mức hỗ trợ tối đa lên **400 triệu đồng/lồng** hoặc nâng tỷ lệ hỗ trợ lên **50% chi phí đầu tư**, tương tự mức hỗ

trợ mà các địa phương lân cận (tỉnh Khánh Hòa) đã áp dụng, nhằm tăng tính hấp dẫn của chính sách, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

+ Điểm b - Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn lao động, thiên tai, dịch bệnh:

Tiêu đề nêu **“Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn lao động, thiên tai, dịch bệnh”**, tuy nhiên nội dung định mức hỗ trợ chỉ quy định **“Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm thiên tai, dịch bệnh”**, chưa thể hiện nội dung hỗ trợ đối với bảo hiểm **tai nạn lao động**, bên cạnh đó trong dự thảo Nghị quyết, Tờ trình đều có đề cập đến nội dung này nhưng chưa quy định cụ thể mức hỗ trợ; trong khi Bản so sánh, thuyết minh (*mục b, trang 3*) cũng chưa đề cập, như vậy chưa thống nhất giữa các tài liệu của hồ sơ dự thảo.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh lý để đảm bảo tính thống nhất của hồ sơ và bổ sung nội dung hỗ trợ bảo hiểm tai nạn lao động. Theo đó, đề nghị sửa nội dung như sau: thêm cụm từ **“tai nạn lao động”** vào sau từ **“bảo hiểm”** để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất của quy định và làm rõ phạm vi chính sách hỗ trợ. Nội dung viết lại thành: **“Hỗ trợ 40% phí bảo hiểm tai nạn lao động, thiên tai, dịch bệnh. Phí bình quân: 2 - 3% giá trị tài sản/năm.”**

Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung chính sách **hỗ trợ 100% phí bảo hiểm tai nạn lao động, tối đa 4 triệu đồng/người/năm và không quá 04 người lao động trên một lồng nuôi HDPE** nhằm bảo đảm an sinh cho người lao động trực tiếp tham gia nuôi trồng thủy sản trên biển, giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn và bền vững.

Ngoài ra, xem xét: Mức phí bình quân từ **2 - 3%** giá trị tài sản/năm là chưa cụ thể, chưa làm rõ căn cứ xác định giá trị tài sản để làm cơ sở tính phí (*theo nguyên giá đầu tư, giá trị còn lại, giá trị thẩm định hay giá trị được doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận*). Điều này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ căn cứ, phương pháp xác định giá trị tài sản để tính phí bảo hiểm và có quy định cụ thể hơn, để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và thuận lợi trong quá trình áp dụng chính sách.

+ Điểm c - Hỗ trợ công nghệ trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển:

Dự thảo Nghị quyết quy định **“hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ Internet vạn vật (IoT) nhưng tối đa 500 triệu đồng/dự án”**. Đây là đề xuất rất phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong quá trình triển khai, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về **danh mục trang thiết bị được hỗ trợ, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện áp dụng và cơ chế nghiệm thu, đánh giá kết quả đầu tư**. Việc quy định rõ các nội dung này sẽ tạo cơ sở thống nhất trong tổ chức thực hiện, giúp các tổ chức, cá nhân lựa chọn thiết bị phù hợp với nhu cầu sản xuất, tránh đầu tư dàn trải, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và phát huy tối đa hiệu quả của các ứng dụng AI, IoT trong nuôi trồng thủy sản.

- Ngoài những nội dung hỗ trợ về nuôi trồng thủy sản trên biển đã được quy định trong dự thảo Nghị quyết, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm một số nội dung hỗ trợ sau:

+ **Hỗ trợ phát triển sản xuất con giống thủy sản chất lượng cao.**

+ **Hỗ trợ chi phí mua phần mềm quản lý dữ liệu, vận hành hệ thống và kết nối dữ liệu với cơ quan quản lý thủy sản;**

+ **Hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng thủy sản.**

Việc bổ sung các nội dung hỗ trợ trên sẽ góp phần hoàn thiện chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao từ khâu con giống đến quản lý, vận hành và phát triển nguồn nhân lực; đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận, làm chủ công nghệ số của người nuôi, tăng hiệu quả quản lý, truy xuất nguồn gốc và kết nối dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước. Qua đó, tạo nền tảng để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Khoản 2 - Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ

+ **Điểm a - Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải:** Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ **40% chi phí thiết bị xử lý môi trường, tối đa 300 triệu đồng/dự án**. Tuy nhiên, công nghệ nuôi ít phát thải như Biofloc, hệ thống tuần hoàn nước và các mô hình nuôi tiên tiến khác đòi hỏi đầu tư đồng bộ nhiều hạng mục, bao gồm hệ thống xử lý nước, xử lý đáy ao/lông, quạt khí, quan trắc môi trường, xử lý sinh học, thiết bị hỗ trợ môi trường nuôi biển và các thiết bị chuyên dụng khác. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xây dựng **Phụ lục kèm theo Nghị quyết** quy định danh mục các thiết bị chính được hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ; đồng thời quy định các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng nhóm thiết bị. Việc quy định rõ danh mục và tiêu chuẩn sẽ tạo cơ sở thống nhất cho các tổ chức, cá nhân lựa chọn thiết bị phù hợp, bảo đảm triển khai hiệu quả chính sách, đồng thời thuận lợi cho công tác thẩm định, nghiệm thu và quản lý nguồn kinh phí hỗ trợ.

Ngoài ra, Dự thảo quy định mức hỗ trợ 40% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án đối với hệ thống xử lý môi trường. Tuy nhiên, từ thực tiễn sản xuất, chi phí đầu tư một hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn có công suất khoảng 1.500 m³/ngày đêm thường từ 3 - 4 tỷ đồng. Với mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng, tỷ lệ hỗ trợ thực tế chỉ đạt dưới 10% tổng mức đầu tư, chưa đủ tạo động lực để doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư các hệ thống xử lý môi trường đồng bộ, hiện đại. Bên cạnh đó, với tổng kinh phí dự kiến phân bổ hỗ trợ cho nội dung này là 75 tỷ đồng; nếu áp dụng mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án thì cần khoảng 250 dự án thụ hưởng mới giải ngân hết nguồn vốn. Nhưng thực tế, số lượng cơ sở nuôi trồng thủy sản nước lợ có quy mô và nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh hiện nay còn thấp, không đủ số lượng doanh nghiệp nuôi thủy sản nước lợ với quy mô lớn như vậy, có thể ảnh hưởng đến khả năng giải ngân (tồn đọng vốn ngân sách) và hiệu quả thực hiện chính sách.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu nâng mức hỗ trợ tối đa lên từ **01 đến 02 tỷ đồng/dự án** để phù hợp hơn với chi phí đầu tư thực tế, tăng tính kích lệ, thu hút của chính sách, đồng thời nâng cao khả năng giải ngân và hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách hỗ trợ.

Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung chính sách **hỗ trợ công nghệ Semi-Biofloc** với mức hỗ trợ bằng **50% mức hỗ trợ đối với công nghệ Biofloc**, tạo điều kiện cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản tiếp cận và áp dụng các mô hình công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế, giảm chi phí đầu tư ban đầu, từng bước chuyển đổi từ phương thức nuôi truyền thống sang nuôi ứng dụng công nghệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm phát thải.

+ **Điểm b - Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương:** Dự thảo Nghị quyết quy định **hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận, tối đa 100 triệu đồng/dự án**, đây là chính sách tích cực, góp phần khuyến khích các cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tuy nhiên, sau khi được cấp chứng nhận, các cơ sở vẫn phải duy trì việc đánh giá, giám sát định kỳ hằng năm và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, quản lý dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, trong khi đây là khoản chi phí tương đối lớn, đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung chính sách **hỗ trợ 40% chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ và chi phí duy trì chứng nhận hằng năm trong 03 năm đầu**. Việc bổ sung nội dung này sẽ giúp các cơ sở duy trì hiệu lực của chứng nhận, nâng cao khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ và bảo đảm hiệu quả lâu dài của chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

- Khoản 3 - Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt:

Có nhiều ý kiến tham gia: Gia Lai có nhiều tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt nhờ hệ thống hồ chứa thủy điện, thủy lợi lớn; trong đó phần lớn người tham gia nuôi trồng là đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu nâng mức hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt từ 40% lên **60%**. Việc tăng mức hỗ trợ sẽ tạo điều kiện cho người dân đầu tư sản xuất, khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

Ngoài ra, đề nghị không quy định cụ thể **quy mô hỗ trợ** vào trong Nghị quyết, vì có thể làm hạn chế tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện, do kinh phí bố trí và số lượng đối tượng được hỗ trợ sẽ phải đảm bảo trong phạm vi quy mô đã được quy định. Vì vậy, đề nghị chỉ quy định nội dung, mức hỗ trợ và giao cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn lực thực tế để xác định quy mô hỗ trợ hằng năm.

6. Tại Điều 5 - Điều kiện, phương thức hỗ trợ

- Khoản 1:

+ **Điểm a:** Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu thay cụm từ “**Phương án sản xuất**” bằng “**Dự án sản xuất**” để phản ánh đầy đủ quy mô, nội dung đầu tư và các yêu cầu cần thẩm định theo quy định, đồng thời phù hợp hơn đối với các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ cao, có nhiều hạng mục về hạ tầng, thiết bị, công nghệ và nguồn vốn, qua đó tạo cơ sở rõ ràng cho công tác thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chính sách.

+ **Điểm e** quy định: “Đáp ứng đủ điều kiện cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ tại Điều 3 của Nghị quyết này”. Tuy nhiên, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định về **Giải thích từ ngữ**, không phải nội dung hỗ trợ. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, chỉnh sửa việ dẫn từ “**Điều 3**” thành “**Điều 4**” để đảm bảo thống nhất về nội dung, chính xác trong việc dẫn chiếu và thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, áp dụng Nghị quyết.

- Ngoài ra, các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 cơ bản đã bao quát các yêu cầu cần thiết để đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục tiêu và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, quy định tại điểm a về việc “*Có Phương án sản xuất được cơ quan chuyên môn thẩm định, xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí ứng dụng công nghệ cao theo quy định hiện hành*” có thể gây khó khăn đối với các hộ nuôi nhỏ lẻ do hạn chế về năng lực xây dựng phương án. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận chính sách, đề nghị cơ quan chuyên môn xây dựng và ban hành **mẫu phương án sản xuất thống nhất, kèm theo hướng dẫn cụ thể về nội dung, quy trình lập và hồ sơ cần thiết** để các tổ chức, cá nhân áp dụng, qua đó giảm bớt thủ tục, thời gian thực hiện và nâng cao khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ.

Đồng thời, để chính sách thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số giải pháp hỗ trợ và tổ chức thực hiện như sau:

+ **Quy hoạch, xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao làm mô hình mẫu, trình diễn để các hộ nuôi, hợp tác xã và doanh nghiệp tham quan, học tập, nhân rộng.**

+ **Ưu tiên hỗ trợ đối với vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao tập trung; Xây dựng và phát triển mô hình liên kết chuỗi trong nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao giữa doanh nghiệp - thị trường, gắn với ứng dụng công nghệ trong quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí và rủi ro, tăng khả năng truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị gia tăng của ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh.**

7. Tại Điều 6 - Nguồn kinh phí thực hiện:

Dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện gồm: “*Ngân sách tỉnh, vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thì

ngân sách Trung ương cũng có các chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao như: Đầu tư trực tiếp vào hạ tầng và công nghệ; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung nguồn “**Ngân sách Trung ương (nếu có)**” vào nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời tạo điều kiện huy động đa dạng nguồn lực, mở rộng quy mô hỗ trợ và nâng cao hiệu quả phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

8. Tại Điều 7 - Tổ chức thực hiện:

- Dự thảo quy định: “*UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết*”. Tuy nhiên, chưa quy định trách nhiệm theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách sau hỗ trợ. Để bảo đảm việc sử dụng ngân sách hiệu quả và có cơ sở rà soát, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn, đề nghị bổ sung trách nhiệm của UBND tỉnh như sau: “**UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ và định kỳ báo cáo HĐND tỉnh về kết quả thực hiện, hiệu quả sử dụng ngân sách và khả năng nhân rộng các mô hình được hỗ trợ**”..

- Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết chưa quy định cụ thể trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau hỗ trợ đối với việc sử dụng kinh phí, vận hành thiết bị và duy trì các mô hình được hỗ trợ. Trong khi đó, nhiều nội dung hỗ trợ liên quan đến thiết bị công nghệ, chuyển đổi số, xử lý môi trường và hạ tầng nuôi trồng công nghệ cao, đòi hỏi có cơ chế giám sát nhằm bảo đảm sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả đầu tư, duy trì hoạt động thực tế; tránh tình trạng đầu tư hình thức hoặc không phát huy được hiệu quả sau hỗ trợ. Do đó đề nghị bổ sung thêm nội dung: “**Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, duy trì hoạt động của mô hình, thiết bị được hỗ trợ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định**” vào Điều 7.

9. Về Nơi nhận

- Dự thảo Nghị quyết ghi “**Như Điều 6**”. Tuy nhiên, Điều 6 quy định về **Nguồn kinh phí thực hiện**, không phải quy định về đối tượng hoặc cơ quan tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh sửa thành “**Như Điều 7**” để bảo đảm chính xác trong viện dẫn, thống nhất với nội dung của Nghị quyết.

- Đề nghị nên bỏ: “**Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh**” do khoản 2 Điều 7 của dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ: “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.” Do đó, việc tiếp tục liệt kê các chủ thể này tại phần Nơi nhận là không cần thiết, dễ gây trùng lặp về nội dung. Việc lược bỏ sẽ bảo đảm tính thống nhất, ngắn gọn và khoa học trong kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

III. Các ý kiến khác

Ngoài các ý kiến đã tham gia vào dự thảo Nghị quyết nêu trên, một số ý kiến tham gia góp ý các văn bản kèm theo:

1. Tờ trình:

- **Về tiêu đề Tờ trình:** Dự thảo ghi “Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030”. Với cách ghi trên chưa phù hợp với tính chất của văn bản, vì đây là **Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết**, không phải là “Tờ trình dự thảo Nghị quyết”. Do đó, đề nghị chỉnh sửa tiêu đề thành: **“Tờ trình đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030”** để đảm bảo chính xác nội dung, phù hợp với tính chất của văn bản và thống nhất về kỹ thuật trình bày.

- **Tại Trang 2, mục 2, dòng 2 từ trên xuống:** Đề nghị làm rõ và giải thích đầy đủ các từ viết tắt **QC/QCCT** và **TC/BTC** để đảm bảo thống nhất trong cách hiểu và thuận lợi cho quá trình nghiên cứu, áp dụng văn bản.

+ **QC/QCCT:** Kiểm soát chất lượng/dịch vụ đạt tiêu chuẩn chất lượng.

+ **TC/BTC:** Tài chính/ Bảo trợ tài chính.

- **Tại Trang 3, phần II, mục 1 - Mục đích:** Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm một số mục tiêu nhằm đảm bảo bao quát đầy đủ về định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao:

+ **Hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.**

+ **Phát triển sản xuất giống thủy sản chất lượng cao.**

+ **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tổ chức sản xuất theo mô hình liên kết.**

- **Tại Trang 3, phần II, mục 2 - Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết:** Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm các quan điểm sau:

+ **Đảm bảo tính đồng thuận của các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách.**

+ **Thực hiện thí điểm đối với một số mô hình, địa bàn hoặc đối tượng phù hợp trước khi triển khai trên diện rộng nhằm đánh giá hiệu quả và kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.**

+ **Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện để bảo đảm chính sách được triển khai đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.**

Việc bổ sung các quan điểm trên sẽ góp phần nâng cao tính khả thi của chính sách, tạo sự thống nhất trong quá trình triển khai, đồng thời đảm bảo việc

thực hiện được kiểm soát chặt chẽ, kịp thời điều chỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh và nâng cao hiệu quả thực thi Nghị quyết.

- **Về cách thể hiện đơn vị tiền tệ:** Trong văn bản sử dụng đồng thời hai cách ghi “**tỷ đồng**” và “**ngàn triệu đồng**”, dẫn đến thiếu thống nhất trong cách trình bày. Đề nghị nên rà soát và thống nhất cách ghi đơn vị giá trị tiền tệ trong toàn bộ Tờ trình và nên thống nhất sử dụng đơn vị “**tỷ đồng**” đối với các khoản kinh phí có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên để bảo đảm tính thống nhất, dễ đọc, dễ hiểu và thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu nội dung của văn bản.

- **Tại Trang 3, phần II, mục 2 - Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết:** Đề nghị bổ sung thêm 3 ý sau:

- + **Đảm bảo tính đồng thuận.**
- + **Thực hiện thí điểm trước khi triển khai đại trà.**
- + **Tăng cường kiểm tra, giám sát, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.**

2. Báo cáo đánh giá tác động

- **Về kỹ thuật trình bày và sử dụng thuật ngữ:** Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, chuẩn hóa việc sử dụng các thuật ngữ và từ viết tắt tiếng Anh trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách để đảm bảo thống nhất, chính xác và phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành. Một số nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung như sau:

+ **RAS (Recirculating Aquaculture System):** cần ghi đầy đủ là **Hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS)** hoặc **công nghệ nuôi trồng thủy sản tuần hoàn, khép kín (RAS)**.

+ Thống nhất cách sử dụng thuật ngữ **IoT** (Internet of Things – Internet vạn vật), tránh diễn đạt không thống nhất như: “**hệ thống cảm biến thông minh IoT**”, “**hệ thống quan trắc môi trường tự động (IoT)**”, “**hệ thống Internet vạn vật (IoT)**”, “**hệ thống quan trắc môi trường thông minh (IoT)**”. Đề nghị sử dụng thống nhất theo hướng: **hệ thống quan trắc môi trường thông minh ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT)** hoặc **hệ thống cảm biến ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT)**.

+ Đối với cụm từ “**quản lý công nghệ và giám sát hệ thống AI**”, cần diễn đạt rõ hơn là **quản lý, giám sát hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)** hoặc **hệ thống quản lý và giám sát ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)** để bảo đảm đúng bản chất công nghệ.

+ Cụm từ “**các huyện phía Đông Nam của tỉnh**” không còn phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện hành. Đề nghị chỉnh sửa thành “**các xã phía Đông Nam của tỉnh**”.

+ Đối với nội dung “**Các hộ nuôi tại các lòng hồ trọng điểm như hồ Sê San 4, Ia Ly, An Khê (hay Thủy điện An Khê - Kanak), Định Bình...**”. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, kiểm tra lại tên gọi của các hồ chứa, công trình thủy điện và cách ghi địa danh để bảo đảm chính xác, thống nhất với tên gọi chính thức theo quy định và thực tế quản lý.

Việc chuẩn hóa thuật ngữ, từ viết tắt và địa danh như trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng hồ sơ dự thảo, bảo đảm tính khoa học, chính xác và thuận lợi cho việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện.

Tại phần kết luận, dự thảo ghi: “Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo”. Cách diễn đạt này chưa phù hợp với chủ thể ban hành và mục đích của văn bản, vì đây là Báo cáo của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa thành: **“UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị”** để đảm bảo thống nhất với thẩm quyền, trình tự ban hành văn bản và thể thức trình bày theo quy định.

Trên đây là Thông báo kết quả phản biện xã hội của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “*Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030*”; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung phù hợp; đồng thời có văn bản phản hồi kết quả tiếp thu ý kiến phản biện cho Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu: VT, Ban DC, GS&PBXH.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Kim Thu

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày.....tháng.....năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026–2030

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Đối với Nghị quyết ban hành mới

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực: nuôi trồng thủy sản trên biển, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng gồm hộ gia đình, cá nhân; tổ hợp tác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp có hoạt động	Quy định rõ đối tượng được hỗ trợ, đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; bảo đảm thống nhất với Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định pháp luật hiện hành.

	đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.	
Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ	1. Hỗ trợ công khai, minh bạch, đúng đối tượng. 2. Không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước. 3. Mỗi nội dung hỗ trợ chỉ được hưởng một lần. 4. Ưu tiên các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường; dự án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.	Tránh đầu tư dàn trải, phải có trọng tâm, tránh trùng lặp với các chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương; quan tâm hỗ trợ người dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản sang nuôi trồng thủy sản.
Điều 3. Điều kiện, phương thức hỗ trợ	1. Thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Có dự án hoặc phương án sản xuất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản 2. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải áp dụng ít nhất một trong các công nghệ cao sau đây: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ Biofloc (BFT; công nghệ Internet vạn vật (IoT); ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho	Yêu cầu về năng lực tài chính, hồ sơ, hóa đơn, chứng từ; quy định việc đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản; tăng cường yêu cầu về áp dụng công nghệ cao, về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

	ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm; công nghệ nuôi biển công nghiệp sử dụng lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương. 3. Có hóa đơn, chứng từ liên quan nội dung hỗ trợ; Có vốn đối ứng và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm. 4. Phương thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước giải ngân kinh phí hỗ trợ một lần sau khi cơ sở nuôi hoàn thành việc đầu tư, lắp đặt hệ thống thiết bị theo hồ sơ thiết kế được duyệt; vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu thực tế, xác nhận đạt các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật quy định tại Nghị quyết này.	
Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ	1. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản trên biển a) Hỗ trợ lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến có tính năng tương đương. Hỗ trợ 40% chi phí đầu tư lồng bằng vật liệu nhựa HDPE hoặc vật liệu tiên tiến. Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng. b) Hỗ trợ công nghệ Internet vạn vật	- Căn cứ khoản 1đ, Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và khoản 1d, Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để lựa chọn mức hỗ trợ 40%. - Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số

(IoT); ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý môi trường và cho ăn tự động; hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động; công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa : 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi biển. c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương - Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa : 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi biển. - Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa : 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi biển.	chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản để lựa chọn mức hỗ trợ 100%.
2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước lợ a) Hỗ trợ công nghệ nuôi ít phát thải - Bao gồm: hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (RAS); công nghệ Biofloc (BFT). - Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa : 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước lợ. b) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ	

giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi thủy sản nước lợ

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, độ mặn); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa : 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước lợ.

c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa : 300 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước lợ

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa : 100 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước lợ.

3. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản nước ngọt

a) Hỗ trợ ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi thủy sản lồng bè trên hồ chứa

- Bao gồm: Hệ thống quan trắc, cảnh báo (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy); camera giám sát; phần mềm quản lý dữ liệu;...

- Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa :

	200 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước ngọt b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản đặc sản (cá Tầm, cá Chình, tôm Càng xanh, cá Lăng nha, cá Chép giòn) - Bao gồm: Hệ thống công nghệ cung cấp oxy; thiết bị điều tiết nhiệt độ nước; máy cho ăn thông minh;... tích hợp công nghệ IoT, AI. - Hỗ trợ 40% chi phí trang thiết bị, phần mềm điều khiển. Mức hỗ trợ tối đa : 400 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước ngọt. c) Hỗ trợ chứng nhận VietGAP/ASC và tương đương - Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận lần đầu. Mức hỗ trợ tối đa : 200 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước ngọt - Hỗ trợ 50% chi phí duy trì hàng năm. Mức hỗ trợ tối đa : 60 triệu đồng/ cơ sở nuôi nước ngọt.	
Điều 5. Kinh phí thực hiện	1. Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. 2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án. 3. Vốn đối ứng của tổ chức, cá nhân. 4. Các nguồn vốn hợp pháp khác.	Nhu cầu kinh phí bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chính sách, bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai.
Điều 6. Tổ chức thực hiện	1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông	

	nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.	
Điều 7. Hiệu lực thi hành	Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.	

Số: /BC-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

V/v tiếp thu, giải trình một số nội dung dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030

Kính gửi: Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, giải trình một số nội dung như sau:

1. Về thực trạng và sự cần thiết ban hành chính sách

Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản chỉ được tiếp cận các chính sách chung của Trung ương về khuyến nông, khoa học công nghệ và tín dụng.

Toàn tỉnh hiện có khoảng 5.302 ha nuôi trồng thủy sản, 1.235 lồng nuôi nước ngọt và 2.427 lồng nuôi biển; tuy nhiên phần lớn còn sản xuất theo phương thức truyền thống, quy mô nhỏ lẻ, mức độ ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030, tạo động lực thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

2. Về phạm vi hỗ trợ

Dự thảo Nghị quyết đã bao quát đầy đủ các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản chủ yếu của tỉnh gồm: Nuôi trồng thủy sản trên biển; Nuôi trồng thủy sản nước lợ; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Các nội dung hỗ trợ được xây dựng phù hợp với đặc điểm sản xuất và nhu cầu ứng dụng công nghệ cao của từng loại hình nuôi.

3. Về đối tượng áp dụng

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ nghiên cứu chỉnh sửa theo hướng ngắn gọn, thống nhất:

“Đối tượng áp dụng gồm tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các cơ quan, đơn vị có liên quan”.

4. Về phương thức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3

Nguyên tắc hỗ trợ là hỗ trợ sau đầu tư, giải ngân một lần sau khi cơ sở hoàn thành đầu tư, vận hành thử nghiệm thành công và được cơ quan có thẩm quyền

nghiệm thu theo quy định.

Đối tượng đáp ứng điều kiện của nội dung hỗ trợ nào thì được xem xét hỗ trợ nội dung đó; trường hợp cùng một nội dung đã được hỗ trợ từ chính sách khác của Nhà nước thì không được hỗ trợ trùng lặp.

5. Về cơ sở xác định mức hỗ trợ 40%

Mức hỗ trợ 40% được xây dựng trên cơ sở:

- Tham khảo mức hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Tham khảo chính sách hỗ trợ phát triển nuôi biển, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao của một số tỉnh ven biển như: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi;

Bảo đảm nguyên tắc Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần chi phí đầu tư ban đầu, tổ chức, cá nhân phải tham gia vốn đối ứng tối thiểu 60%.

Mức hỗ trợ này vừa tạo động lực đầu tư vừa phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

6. Về cơ sở xác định mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng HDPE

Qua khảo sát thực tế, chi phí đầu tư một lồng nuôi biển công nghệ cao bằng vật liệu HDPE hiện dao động khoảng từ 800 triệu đồng đến trên 01 tỷ đồng/lồng tùy quy mô và công nghệ sử dụng.

Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/lồng tương đương khoảng 40-50% tổng mức đầu tư, phù hợp với nguyên tắc hỗ trợ của Nhà nước và khả năng đối ứng của người dân, doanh nghiệp.

7. Về cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ sở được hỗ trợ phải cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện bởi Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã và các cơ quan chức năng liên quan theo phân cấp quản lý. Trường hợp không thực hiện đúng cam kết sẽ xử lý theo quy định của pháp luật và quy định của Nghị quyết.

8. Về cơ sở xác định vùng nuôi biển và vùng nuôi nước lợ

Việc xác định đối tượng hỗ trợ căn cứ vào:

- Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021–2030;
- Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026–2030;
- Hiện trạng vùng nuôi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;
- Các quy hoạch, kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản đã được phê duyệt.

9. Về dữ liệu 1.235 lồng nuôi và khả năng đạt các tiêu chuẩn VietGAP/ASC và GlobalGAP

Theo số liệu hiện trạng, toàn tỉnh có khoảng 1.235 lồng nuôi nước ngọt và 2.427 lồng nuôi biển.

Nghị quyết không đặt mục tiêu toàn bộ các cơ sở nuôi đạt chứng nhận VietGAP/ ASC hoặc GlobalGAP mà tập trung hỗ trợ hình thành các mô hình nuôi ứng dụng công nghệ cao, các vùng nuôi tập trung và các cơ sở có liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Các đối tượng có tiềm năng áp dụng các tiêu chuẩn trong nước, quốc tế gồm nuôi cá biển lồng bè, nuôi tôm nước lợ công nghệ cao và nuôi cá lồng hồ chứa quy mô trang trại.

10. Về nhu cầu kinh phí thực hiện

Theo Tờ trình của UBND tỉnh, tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách giai đoạn 2026–2030 khoảng 120 tỷ đồng.

Kinh phí được bố trí theo tiến độ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách hàng năm của tỉnh, không bố trí một lần cho toàn bộ giai đoạn.

11. Về ý kiến đối với Điều 5 của dự thảo Nghị quyết

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất chỉnh sửa khoản 1 Điều 5 từ: “Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành” thành: “Ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành”.

Đồng thời bổ sung khoản 5 như sau: “Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.”

Việc bổ sung nội dung này nhằm làm rõ nguồn kinh phí thực hiện chính sách là từ ngân sách cấp tỉnh; đồng thời khẳng định việc bố trí kinh phí sẽ được thực hiện hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, kế hoạch tài chính - ngân sách và khả năng nguồn lực của địa phương.

Nội dung bổ sung cũng thống nhất với Tờ trình của UBND tỉnh, trong đó xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2026–2030 dự kiến khoảng 120 tỷ đồng, được phân kỳ thực hiện theo từng năm ngân sách, không bố trí một lần cho toàn bộ giai đoạn.

12. Về ý kiến của Sở Tài chính liên quan mức hỗ trợ

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, rà soát các mức hỗ trợ trên nguyên tắc: phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh; không hỗ trợ toàn bộ chi phí đầu tư; có vốn đối ứng của tổ chức, cá nhân; tập trung hỗ trợ các hạng mục công nghệ cao có tính lan tỏa, tạo giá trị gia tăng và thúc đẩy chuyển đổi phương thức sản xuất.

Do đó, mức hỗ trợ 40% và mức trần hỗ trợ trong dự thảo được đánh giá là phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng KHTC Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, CCTS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quốc Khánh